

Số: /SNV-CCVC
V/v thống nhất một số nội dung
đề án vị trí việc làm trong cơ quan,
tổ chức hành chính và đơn vị
sự nghiệp công lập

Lạng Sơn, ngày tháng 01 năm 2024

Kính gửi:

- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các Hội đặc thù được giao biên chế.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 6470/UBND-NC ngày 25/12/2023 của UBND tỉnh về việc tham mưu triển khai thực hiện nội dung hướng dẫn của Bộ Nội vụ trong việc xây dựng Đề án và phê duyệt vị trí việc làm tại Công văn số 7583/BNV-TCBC ngày 23/12/2023; Công văn số 60/VP-NC ngày 11/01/2024 của Văn phòng UBND tỉnh về việc tham mưu triển khai cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tại Đề án vị trí việc làm theo Công văn số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ;

Đề việc xây dựng, phê duyệt Đề án vị trí việc làm (VTVL) trong cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh bảo đảm theo đúng quy định tại các thông tư hướng dẫn của bộ, ngành quản lý, trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Sở Nội vụ thống nhất với các cơ quan, đơn vị một số nội dung như sau:

I. YÊU CẦU CHUNG

1. Việc xây dựng danh mục VTVL, bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL cần bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Các VTVL cần được xây dựng với mức độ khái quát cao theo chức năng, nhiệm vụ của từng ngành, lĩnh vực, có tính đến mức độ phức tạp, tính chất, đặc điểm, quy mô hoạt động, phạm vi đối tượng phục vụ, quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ của công việc theo chức năng, nhiệm vụ tương ứng với từng ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức. Mỗi VTVL có **03 yếu tố** cấu thành sau: (1) **Tên VTVL**; (2) **Bản mô tả VTVL**; (3) **Khung năng lực VTVL**, trong đó:

- **Tên vị trí việc làm:** Thực hiện thống nhất theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, bảo đảm tính thống nhất, liên thông, đồng bộ.

- **Bản mô tả vị trí việc làm:** Trên cơ sở bản mô tả khái quát theo Thông tư hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, các cơ quan, tổ chức, đơn vị mô tả cụ thể phù hợp với công việc cụ thể của VTVL (gắn với sản phẩm tương ứng

với tính chất, mức độ phức tạp của VTVL) theo chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- **Khung năng lực VTVL:** Trên cơ sở khung năng lực chung theo Thông tư hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, các cơ quan, tổ chức, đơn vị mô tả cụ thể, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động để hoàn thành công việc của VTVL theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Trên cơ sở xác định danh mục VTVL của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, việc xác định cơ cấu công chức, cơ cấu viên chức theo VTVL cần đáp ứng yêu cầu sau: (1) Kế thừa và từng bước điều chỉnh để cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính; (2) Phù hợp với chức danh nghề nghiệp viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực sự nghiệp, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công.

4. Việc phê duyệt VTVL và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập không làm tăng biên chế của cấp có thẩm quyền giao và gắn với lộ trình thực hiện tinh giản biên chế công chức và giảm biên chế viên chức hưởng lương ngân sách nhà nước, đặc biệt đối với đơn vị sự nghiệp công lập cần thực hiện đồng bộ với Đề án tự chủ để từng bước cơ cấu lại số lượng người làm việc theo hướng tăng số lượng người hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp tương ứng với mức độ tự bảo đảm chi thường xuyên của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 75/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG KHI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ PHÊ DUYỆT VỊ TRÍ VIỆC LÀM

1. Về xác định vị trí việc làm

1.1. Nhóm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý

a) Về các vị trí lãnh đạo, quản lý đối với chức danh là cán bộ

Đối với vị trí lãnh đạo, quản lý (cán bộ), gồm: (1) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (2) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (3) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; (4) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; (5) Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; (6) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; (7) Trưởng ban thuộc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; (8) Phó Trưởng ban thuộc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; (9) Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện; (10) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện; (11) Trưởng ban thuộc Hội đồng nhân dân cấp huyện; (12) Phó Trưởng ban thuộc Hội đồng nhân dân cấp huyện (đã được quy định tại Kết luận số 35-KL/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị), các cơ quan, đơn vị căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của từng chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Quy định số 214-QĐ/TW ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị về khung tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, Quy định số 89-QĐ/TW ngày 04/8/2017 của Bộ

Chính trị về khung tiêu chuẩn chức danh, định hướng khung tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp để xây dựng vị trí việc làm đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý bảo đảm sát với yêu cầu, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

b) Về khung cấp độ xác định yêu cầu về năng lực khi xây dựng bản mô tả VTVL lãnh đạo, quản lý trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập, các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt

Căn cứ yêu cầu về năng lực của các VTVL được ban hành kèm theo Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 và Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo để thực hiện. Sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 và Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn bổ sung.

c) Về vị trí việc làm Phó Trưởng đoàn chuyên trách Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh

Thông nhất xác định trong danh mục các chức danh lãnh đạo, quản lý tại Kết luận số 35-KL/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị và quy định tại Điều 22, khoản 3 Điều 43 Luật Tổ chức Quốc hội. Vì vậy, xây dựng Bản mô tả, khung năng lực của vị trí việc làm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tiêu chuẩn của chức danh này theo quy định của Luật Tổ chức Quốc hội.

1.2. Nhóm vị trí việc làm công chức, viên chức chuyên ngành

a) Về tên VTVL viên chức chuyên ngành thể dục thể thao quy định tại Thông tư số 07/2022/TT-BVHTTDL ngày 25/10/2022 và Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL ngày 09/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Đối với nội dung Bản mô tả của VTVL “Hướng dẫn viên hạng IV” tại Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL bị ghi nhầm là “Huấn luyện viên hạng IV”. Do vậy, đề nghị các cơ quan, đơn vị căn cứ hướng dẫn tại 02 Thông tư trên và chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực thể dục, thể thao để xây dựng Đề án và phê duyệt VTVL, cơ cấu viên chức theo VTVL trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực này cho phù hợp.

c) Về bổ sung VTVL chức danh nghề nghiệp đối với đơn vị nhà khách

Đề nghị vận dụng các VTVL thuộc lĩnh vực văn phòng và lĩnh vực kế hoạch, tài chính (gồm các VTVL: Hành chính - Văn phòng; quản trị công sở; kế toán; thủ quỹ) thuộc nhóm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong đơn vị sự nghiệp công lập (quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).

d) Về bổ sung VTVL chức danh nghề nghiệp đối với các cơ sở điều dưỡng người có công, cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy

Đề nghị các cơ quan, đơn vị vận dụng các VTVL viên chức chuyên ngành y tế (quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BYT ngày 17/02/2023 của Bộ trưởng

Bộ Y tế), đồng thời bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị để thực hiện.

đ) Về bổ sung bản mô tả công việc, khung cấp độ xác định yêu cầu về năng lực đối với VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội

Đề nghị các cơ quan, đơn vị thực hiện thống nhất theo Phụ lục V.5 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2023/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

e) Về bản mô tả công việc của từng VTVL kèm theo Thông tư số 03/2023/TT-BYT ngày 17/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế

Đề nghị các cơ quan, đơn vị căn cứ các Thông tư quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp thuộc lĩnh vực y tế để mô tả các VTVL viên chức chuyên ngành y tế cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cơ sở y tế. Sau khi Bộ Nội vụ phối hợp với Bộ Y tế bổ sung bản mô tả công việc của từng VTVL thì Sở Nội vụ sẽ có hướng dẫn bổ sung.

1.3. Nhóm vị trí việc làm chuyên môn dùng chung

a) Các yêu cầu về trình độ, năng lực tại bản mô tả vị trí việc làm đối với vị trí Kế toán trưởng quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BNV

Căn cứ Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn thi hành để quy định cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của vị trí việc làm. Sau khi, Bộ Nội vụ phối hợp với Bộ Tài chính rà soát sửa đổi, bổ sung bản mô tả VTVL Kế toán trưởng tại Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ thì Sở Nội vụ sẽ có hướng dẫn bổ sung.

b) Về đề nghị nghị điều chỉnh, bổ sung VTVL dùng chung

- Xác định vị trí việc làm “Y tế học đường” thuộc nhóm vị trí việc làm chuyên môn dùng chung như hiện nay.

- Các cơ quan, đơn vị vận dụng VTVL “Công nghệ thông tin” trong danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành, chức danh nghề nghiệp chuyên ngành thuộc ngành, lĩnh vực thông tin và truyền thông (quy định tại Thông tư số 08/2023/TT-BTTTT và Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT ngày 28/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông) để sử dụng chung tại các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập khi được giao thực hiện nhiệm vụ về công nghệ thông tin. Nội dung bản mô tả và khung năng lực cần mô tả cụ thể phù hợp với công việc cụ thể của vị trí công nghệ thông tin theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

- Đề nghị sử dụng các VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành thuộc ngành, lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn (Kiểm nghiệm cây trồng; Khảo nghiệm, kiểm nghiệm phân bón; Khảo nghiệm, kiểm nghiệm chăn nuôi; Kiểm nghiệm thuốc thú y được quy định tại Thông tư số 11/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông

thôn), bảo đảm bao quát các nhiệm vụ về kiểm nghiệm hóa học, kiểm nghiệm sinh học.

- Đề nghị sử dụng VTVL “Quản lý công nghệ thông tin” (được quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT ngày 28/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông) hoặc vị trí VTVL “Công nghệ thông tin” (được quy định tại Thông tư số 08/2023/TT-BTTTT ngày 28/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông), bảo đảm bao quát các nhiệm vụ về chuyển đổi số.

- Đề nghị sử dụng VTVL “Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực” (được quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-TTCP ngày 01/11/2023 của Tổng Thanh tra Chính phủ), bảo đảm bao quát nhiệm vụ về thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng.

- Trung tâm hành chính công vận dụng các VTVL thuộc nhóm công chức, chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung (quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BNV), bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của.

- Đề nghị các cơ quan, đơn vị sử dụng VTVL công chức chuyên ngành hoặc VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành thuộc các ngành, lĩnh vực theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Ban Quản lý.

1.3. Nhóm vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ

Về trình độ của nhân viên nấu ăn: Xác định vị trí việc làm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, bảo đảm phù hợp với yêu cầu của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị.

1.4. Về vị trí việc làm các Hội đặc thù được giao biên chế

- Đối với Hội cấp tỉnh: Căn cứ điều lệ Hội, chức năng, nhiệm vụ của Hội và hướng dẫn của Bộ Nội vụ về xây dựng, phê duyệt vị trí việc làm tại các hội để vận dụng xác định vị trí việc làm cho phù hợp.

Người đứng đầu hội có trách nhiệm: (1) Chỉ đạo xây dựng Đề án vị trí việc làm, báo cáo Ban Lãnh đạo Hội thông qua; (2) Phê duyệt vị trí việc làm của hội, làm cơ sở để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý đội ngũ cán bộ hội, bảo đảm không làm tăng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

- Đối với Hội cấp huyện: đề nghị UBND các huyện, thành phố chỉ đạo, hướng dẫn người đứng đầu Hội căn cứ điều lệ Hội, chức năng, nhiệm vụ để xây dựng, phê duyệt vị trí việc làm tại các hội cho phù hợp.

1.5. Về vị trí việc làm cán bộ, công chức cấp xã

Vị trí việc làm cán bộ, công chức cấp xã gồm 17 vị trí được xác định tại Luật Cán bộ, công chức và Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố.

1.6. Về Đề án VTVL: Thực hiện theo hướng dẫn của Sở Nội vụ tại Công văn số 1937/SNV-CCVC ngày 04/12/2023. Riêng đối với sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo thực hiện theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lạng Sơn.

III. XÁC ĐỊNH CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC, CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

1. Về xác định cơ cấu ngạch công chức

1.1. Đối với các cơ quan chuyên môn và cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Ngạch chuyên viên chính và tương đương: Tối đa không quá 40%.
- Ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống: Tối đa không quá 60%.

1.2. Đối với các cơ quan chuyên môn và cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Ngạch chuyên viên và tương đương: Tối đa không quá 80%.
- Ngạch cán sự, nhân viên và tương đương: Tối đa không quá 20%.

2. Về xác định cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

2.1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (đơn vị tự chủ nhóm 1) và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị tự chủ nhóm 2)

- Chức danh nghề nghiệp hạng I và tương đương: Tối đa không quá 20%;
- Chức danh nghề nghiệp hạng II và tương đương: Tối đa không quá 50%;
- Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương trở xuống (nếu có): Tối đa không quá 30%.

2.2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị tự chủ nhóm 3) và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị tự chủ nhóm 4)

- Chức danh nghề nghiệp hạng I và tương đương: Tối đa không quá 10%;
- Chức danh nghề nghiệp hạng II và tương đương: Tối đa không quá 50%;
- Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương trở xuống (nếu có): Tối đa không quá 40%.

3. Một số nội dung cần lưu ý:

- Cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức nêu trên không bao gồm công chức lãnh đạo, quản lý và viên chức quản lý.

- Trường hợp chưa đủ số lượng theo tỷ lệ ở mỗi ngạch công chức hoặc mỗi hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thì số còn thiếu được cộng vào ngạch (hạng) thấp hơn liền kề và có thể lớn hơn tỷ lệ theo quy định. Trường hợp số lượng thực tế hiện có vượt tỷ lệ nêu trên thì tạm thời không tổ chức thi, xét nâng ngạch hoặc xét thăng hạng lên ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp đã vượt quá tỷ lệ.

III. THỜI GIAN HOÀN THÀNH

1. Đối với Đề án vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính

1.1. Đối với các Đề án VTVL đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt¹:

Các cơ quan, đơn vị khẩn trương rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện Đề án vị trí việc làm theo nội dung hướng dẫn của Bộ Nội vụ, gửi Hồ sơ đề nghị điều chỉnh về Sở Nội vụ để tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định điều chỉnh, hoàn thành trước ngày **07/02/2024** (Hồ sơ gửi qua Trung tâm hành chính công).

1.2. Đối với các Đề án VTVL đã trình Sở Nội vụ thẩm định; đã trình Chủ tịch UBND tỉnh nhưng chưa được phê duyệt²:

Các sở, ngành điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện Đề án VTVL theo nội dung hướng dẫn của Bộ Nội vụ, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt theo quy định, hoàn thành trước ngày **25/01/2024** (Văn bản đề nghị gửi về Sở Nội vụ)

1.3. Đối với các cơ quan, đơn vị chưa xây dựng đề án VTVL trong cơ quan, tổ chức hành chính³: hoàn thành trước ngày 07/02/2024.

2. Đối với Đề án vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập

2.1. Đối với các Đề án VTVL đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt⁴:

Các cơ quan, đơn vị khẩn trương rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện Đề án vị trí việc làm theo nội dung hướng dẫn của Bộ Nội vụ, gửi Hồ sơ đề nghị điều chỉnh về Sở Nội vụ để tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định điều chỉnh, hoàn thành trước ngày **07/02/2024** (Hồ sơ gửi qua Trung tâm hành chính công).

2.2. Đối với các Đề án VTVL đã trình Sở Nội vụ thẩm định; đã trình Chủ tịch UBND tỉnh nhưng chưa được phê duyệt⁵:

- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, văn bản đề nghị gửi về Sở Nội vụ chậm nhất ngày **20/01/2024**.

- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc các sở, ban, ngành, UBND các huyện thành phố: đề nghị Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân

¹ Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

² Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Lao động - TB và Xã hội, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Thanh tra tỉnh, Sở Ngoại vụ, Ban Dân tộc tỉnh.

³ Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh; Văn phòng Điều phối xây dựng NTM tỉnh, Ban QLKTCK Đồng đăng - Lạng Sơn.

⁴ Trung tâm Lưu trữ lịch sử, Cơ sở cai nghiện ma túy, Bệnh viện Phục hồi chức năng, Bệnh viện Phổi, Bệnh viện Y học cổ truyền, Trung tâm Giám định Y khoa, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm, Trung tâm Pháp y; Trung tâm Y tế các huyện: Văn Quan, Bình Gia, Lộc Bình, Đình Lập, Văn Lãng, Tràng Định, Cao Lộc, Chi Lăng, Hữu Lũng, thành phố Lạng Sơn; Trung tâm Văn hóa TTTT huyện Chi Lăng, Trung tâm Văn hóa TTTT huyện Đình Lập, Trung tâm Văn hóa TTTT huyện Văn Lãng.

⁵Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh, Trung tâm Văn hóa TTTT huyện Bắc Sơn; Trung tâm Văn hóa TTTT huyện Lộc Bình; Trung tâm Công nghệ số thuộc Sở TTTT, Trung tâm Văn hóa TTTT huyện Bình Gia, Trung tâm Văn hóa TTTT huyện Văn Lãng, TTTT Văn phòng UBND tỉnh, TT ứng dụng PT KHCCN sở KHCCN.

các huyện, thành phố rà soát, quyết định phê duyệt theo thẩm quyền tại Công văn số 11/UBND-NC ngày 03/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh, hoàn thành trong Quý I/2024.

2.3. Đối với các Đề án VTVL còn lại:

Đề nghị các cơ quan, đơn vị khẩn trương xây dựng và phê duyệt Đề án vị trí việc làm các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo nội dung Công văn số 11/UBND-NC ngày 03/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản hướng dẫn của Sở Nội vụ⁶; hoàn thành việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm trong Quý I/2024.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đề nghị các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm các nhiệm vụ được giao theo đúng tinh thần chỉ đạo của Chính phủ, UBND tỉnh; chịu trách nhiệm tổ chức triển khai hoàn thành việc xây dựng và phê duyệt đề án vị trí việc làm đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ thời gian quy định.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh đề nghị các cơ quan, đơn vị liên hệ với Phòng Công chức, viên chức, Sở Nội vụ để trao đổi, thống nhất thực hiện (điện thoại: **02053 814 676**)

(Có công văn số 7583/BNV-TCBC ngày 23/12/2023; Công văn số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ gửi kèm theo trên VNPT iOffice)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở Nội vụ;
- Phòng Nội vụ các huyện, thành phố;
- Phòng CCVC, XDCQ, TCBC, VP Sở;
- Website Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, (HVK).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đường Ngọc Xuyên

⁶Công văn Số 710/SNV-CCVC ngày 20/5/2023, số 769/SNV-CCVC ngày 29/5/2023; số 999/SNV-CCVC ngày 04/7/2023 của Sở Nội vụ, số 1937/SNV-CCVC ngày 04/12/2023.